

Bản án số: 141/2020/HC-PT

Ngày: 25-5-2020

V/v: “Khiếu kiện quyết định thu hồi,
quyết định hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Đỗ Đình Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu, Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 22 đến ngày 25/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 489/2017/TLPT-HC ngày 13 tháng 11 năm 2017; về việc “Khiếu kiện quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyết định hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2017/HC-ST ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 457/2020/QĐPT-HC ngày 23 tháng 4 năm 2020; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1964; Địa chỉ: 182, tổ 5, ấp M3, xã M4, thành phố M, tỉnh Đồng Tháp (có mặt trong suốt quá trình xét xử, có đơn xin vắng mặt lúc tuyên án).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Nguyễn Hoàng G, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Hoàng G, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ trụ sở: 02, Đường 30/4, khóm M1, thị trấn M2, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Nguyễn Hồng S; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Minh S1; Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M (văn bản uỷ quyền ngày 12/02/2020, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện M:

1/ Ông Trần Thanh H, Phó Chánh văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2/ Ông Phạm Hoàng Đ, là Luật sư của Công ty Luật hợp danh Anh Em Luật Sư, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Trung S3, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Đồng Tháp (có đơn xin vắng mặt).

3/ Bà Nguyễn Thị Yên O, sinh năm 1972 (vắng mặt)

4/ Bà Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 182, tổ 5, ấp M3, xã M4, thành phố M, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thanh V là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/7/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 31/5/2017, tự khai ngày 21/7/2016, tự khai ngày 31/5/2017 người khởi kiện ông Nguyễn Thanh V trình bày:

Ngày 16/6/2016, UBND huyện M ban hành Quyết định số 1496/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 067025, số quản lý 001820, tại các thửa đất như sau: Thửa đất số 1230, diện tích 1.940m², mục đích sử dụng đất vườn; Thửa đất số 1231, diện tích 350m², mục đích sử dụng đất T; Thửa đất số 1232, diện tích 1.800m², mục đích sử dụng đất lúa; Thửa đất số 1233, diện tích 300m², mục đích sử dụng đất CDK; Thửa đất số 1235, diện tích 1.752 m², mục đích sử dụng đất vườn; Thửa đất số 1236, diện tích 7.275 m², mục đích sử dụng đất lúa; Thửa đất số 1237, diện tích 1.600 m², mục đích sử dụng đất vườn; thuộc tờ bản đồ số 03 (bản đồ 299) tọa lạc xã A1, do UBND huyện M cấp ngày 28/11/2000 cho hộ ông V.

Lý do thu hồi: Nhà nước đã thu hồi toàn bộ diện tích đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 067025 để thực hiện dự án Cụm công nghiệp Càn Lố (giai đoạn 2) huyện M.

Ngày 28/6/2016, UBND huyện M ban hành Quyết định số 1522/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 128622, số

quản lý 01953 QSDĐ/HCL, tại các thửa đất như sau: Thửa đất số 1250, diện tích 2.100 m², mục đích sử dụng đất LN; Thửa đất số 1251, diện tích 4.000 m², mục đích sử dụng đất lúa; Thửa đất số 1234, diện tích 300 m², mục đích sử dụng đất T; Thửa đất số 1634, diện tích 460 m², mục đích sử dụng đất vườn; thuộc tờ bản đồ số 03 (bản đồ 299) tọa lạc xã A1, do UBND huyện M cấp cho hộ ông V.

Với lý do: Nhà nước đã thu hồi toàn bộ diện tích đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 128622 để thực hiện dự án Cụm công nghiệp Cần Lố (giai đoạn 2) huyện M.

Ngày 08/8/2016, UBND huyện M tiếp tục ban hành 2 Quyết định số 1909/QĐ-UBND và Quyết định số 1910/QĐ-UBND hủy hai giấy chứng nhận QSD đất của ông.

Ông V không đồng ý giao nộp hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện M để chỉnh lý. Bởi vì, hai quyết định trên thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông là chưa có căn cứ pháp lý, không đúng quy định pháp luật, lý do Nhà nước đã thu hồi hết diện tích đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông để thực hiện dự án Cụm công nghiệp Cần Lố (giai đoạn 2) là chưa đúng thực tế khách quan.

Ngày 11/6/2008, UBND huyện M ban hành Quyết định thu hồi đất số 2200/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông V để thực hiện dự án Cụm công nghiệp Cần Lố (giai đoạn 2) huyện M. Thu hồi diện tích đất 5.681,5m² tại thửa số 346; diện tích 18.083m² tại thửa số 298 loại đất ONT+LNQ, thuộc tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã A1, huyện M. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người có đất bị thu hồi, chỉnh lý biến động đất đai, kiểm tra việc sử dụng đất.

Ông liên tục khiếu nại việc thu hồi đất của hộ gia đình ông từ năm 2008 đến nay, yêu cầu ra quyết định thu hồi đất đúng với sổ thửa, sổ tờ bản đồ theo đúng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện M đã cấp cho hộ gia đình ông thì ông bàn giao đất và nhận tiền bồi thường theo đúng quy định pháp luật. Đối chiếu nội dung giữa quyết định thu hồi đất và hai quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông chẳng có gì liên quan đến nhau.

Tại Công văn số 330/TTr-TDXLĐT ngày 07/11/2014 của Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc khiếu nại của công dân có ý kiến như sau: “Gia đình ông V đã được UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số Q067025 cấp ngày 28/11/2000 và số T128622 cấp ngày 25/10/2001) theo tài liệu bản đồ đo trước đây, nhưng trong các quyết định thu hồi đất không nêu rõ việc thu hồi các thửa đất, tờ bản đồ ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình ông V sẽ không có cơ sở để thu hồi hoặc hủy bỏ giá trị pháp lý các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp theo quy định. Vì vậy, phải có quyết định điều chỉnh để xử lý vấn đề này”.

Sau đó, UBND tỉnh không chỉ đạo cho UBND huyện M điều chỉnh quyết định thu hồi đất như ý kiến của Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đến nay, thì UBND huyện M lại ban hành hai quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng của hộ gia đình ông như nêu trên.

Vì vậy, ông yêu cầu hủy Quyết định số 1496/QĐ-UBND ngày 16/6/2016, Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 28/6/2016, Quyết định số 1909/QĐ-UBND ngày 08/8/2016 và Quyết định số 1910/QĐ-UBND ngày 08/8/2016 của UBND huyện M. Vì không có căn cứ và trái quy định pháp luật.

Tại văn bản ý kiến ngày 30/8/2016 người bị kiện UBND huyện M trình bày:

Năm 2007, quy hoạch Cụm công nghiệp Cần Lố (giai đoạn 2), tại xã A1, huyện M, có tổng diện tích thu hồi đất là 121.574m², diện tích bồi thường là 116.520m², với 98 hộ dân có đất, tài sản trùng quy hoạch trong đó có hộ ông V.

Ngày 26/3/2007, Dự án cụm Công nghiệp Cần Lố được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 403/QĐ-UBND-HC, về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Cần Lố (giai đoạn 2). Ngày 19/10/2007, UBND huyện ban hành Quyết định số 606/QĐ-UBND.HC, về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Cần Lố (giai đoạn 2).

Ngày 25/02/2008, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 195/QĐ-UBND-HC, về việc phê duyệt phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Cụm công nghiệp Cần Lố (giai đoạn 2).

Ngày 11/6/2008, UBND huyện ban hành Quyết định số 2200/QĐ-UBND, về việc thu hồi đất của hộ ông V, để thực hiện Dự án Cụm công nghiệp Cần Lố (giai đoạn 2), ông V thống nhất nhận quyết định.

Ngày 13/8/2008, phương án bồi thường được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 827/QĐ-UBND-HC, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Cụm công nghiệp Cần Lố (giai đoạn 2). Trên cơ sở đó, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án Cụm công nghiệp Cần Lố (giai đoạn 2) ban hành Quyết định số 3413/QĐ-HĐBT ngày 19/8/2008, về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đối với hộ ông V, diện tích thu hồi là 23.764,5m², số tiền bồi thường là 4.402.226.205 đồng.

Trong quá trình triển khai, thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được duyệt, trên cơ sở kết quả giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền đối với ông V, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đã ban hành quyết định điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, nâng giá trị bồi thường đất, tài sản và các khoản hỗ trợ đối với hộ ông V, với tổng giá trị là 4.811.040.306 đồng. Ông V thống nhất nhận tiền bồi thường là 4.000.000.000 đồng, còn lại 811.040.306 đồng ông V chưa thống nhất nhận, tiếp tục khiếu nại đến Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Sau khi rà soát, kiểm tra vụ việc, ngày 26/4/2016 Bộ Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 1472/BTNMT-TTr về việc giải quyết khiếu nại của ông V. Theo đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã kết luận và kiến nghị:

- Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2008 của UBND huyện M, về việc thu hồi đất của hộ ông V, trong đó vị trí các thửa đất bị thu hồi (số hiệu thửa và tờ bản đồ) được xác định theo trích đo bản đồ địa chính là đúng quy định tại Điều 50 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; mẫu quyết định thu hồi đất thực hiện đúng mẫu quyết định được ban hành kèm theo Thông tư 09/2007/TT-BTNMT ngày 02/8/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc lập, chỉnh lý, quản lý hồ sơ địa chính. Qua kiểm tra phần diện tích đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V và phần diện tích được trích đo để thu hồi đất là cùng một khu đất trên thực địa, việc này đã được ông V thừa nhận. Việc ông V yêu cầu ban hành quyết định mới để thu hồi đất của gia đình ông và tính toán số tiền bồi thường hỗ trợ cho gia đình theo quy định hiện hành là không cơ sở xem xét giải quyết.

- Việc công bố quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch dự án, thông báo thu hồi đất đã được thực hiện đúng quy định tại Điều 39 Nghị định 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 và Điều 49 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ.

Từ những kết quả rà soát nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng, tiếp tục chi trả bồi thường, hỗ trợ cho ông V theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 34 Nghị định 47/2004/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, đối với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt; thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông V theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 (có kèm theo Công văn số 1472/BTNMT-TTr ngày 26/4/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Thực hiện nội dung kết luận, kiến nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường và ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 313/VPUBND-TCD ngày 09/5/2016 của Văn phòng UBND tỉnh về việc giải quyết khiếu nại của ông V. Ngày 10/6/2016, huyện tổ chức mời ông V đến làm việc để tiếp tục chi trả tiền bồi thường hỗ trợ 811.040.306 đồng và yêu cầu ông V nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (của diện tích đất đã thu hồi) để lập thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Tại buổi làm việc ông V không đồng ý nhận số tiền bồi thường hỗ trợ (còn lại) và không đồng ý nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 16/6/2016, UBND huyện M ban hành Quyết định số 1496/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 067025, số quản lý 001820 của hộ ông V.

Ngày 28/6/2016, UBND huyện M ban hành Quyết định số 1522/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 128622, số quản lý 01953 QSDĐ/HCL, của hộ ông V.

Sau khi nhận các quyết định trên, ông V không thống nhất giao nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 08/8/2016, UBND huyện M ban hành Quyết định số 1909/QĐ-UBND hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 128622 và Quyết định số 1910/QĐ-UBND hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 067025 của hộ ông V.

Như vậy, UBND huyện M ban hành Quyết định số 1496/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 và Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2016 để thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông V là đúng quy định tại Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ và đúng với nội dung kết luận, kiến nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1472/BTNMT-TTr ngày 26/4/2016 về việc giải quyết khiếu nại của ông V. Việc ông V yêu cầu hủy Quyết định số 1909/QĐ-UBND ngày 08/8/2016, Quyết định số 1910/QĐ-UBND ngày 08/8/2016, Quyết định số 1496/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 và Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 là không phù hợp với quy định pháp luật.

Vì vậy, đề nghị giữ nguyên Quyết định số 1496/QĐ-UBND ngày 16/6/2016, Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 28/6/2016, Quyết định số 1909/QĐ-UBND ngày 08/8/2016, Quyết định số 1910/QĐ-UBND ngày 08/8/2016 của UBND huyện M.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Yến O và bà Nguyễn Thị Hải Y trình bày: Thống nhất với phân trình bày của người khởi kiện là ông V, không có yêu cầu gì.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2017/HC-ST ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã tuyên xử:

Căn cứ vào các Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 116, khoản 1 Điều 158, Điều 193, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào Luật Đất đai năm 2013, khoản 1, khoản 7 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/5/2014 về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ;

Căn cứ vào Điều 34 Pháp lệnh số 10 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Bác khởi kiện của ông Nguyễn Thanh V đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1496/QĐ-UBND ngày 16/6/2016, Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 28/6/2016, Quyết định số 1909/QĐ-UBND ngày 08/8/2016, Quyết định số 1910/QĐ-UBND ngày 08/8/2016 của Ủy ban nhân dân huyện M.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, các quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17 tháng 10 năm 2017, ông Nguyễn Thanh V nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ông V đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 20/12/2019, ông V trực tiếp nộp cho Tòa án cấp phúc thẩm Bảng tổng hợp tính toán các khoản bồi thường và yêu cầu bồi thường 32.271.259.892 đồng (tạm tính).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Thanh V không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung đơn kháng cáo và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Người đại diện của người bị kiện là UBND huyện M đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thanh V và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông V trình bày ý kiến như sau:

- Các Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1496/QĐ-UBND ngày 16/6/2016, số 1522/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 và các Quyết định hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1909/QĐ-UBND và số 1910/QĐ-UBND cùng ngày 08/8/2016 của UBND huyện M có liên quan đến Quyết định thu hồi đất số 2200/QĐ-UBND ngày 11/6/2008 của UBND huyện M, nên phải xem xét cả quyết định này.

- Việc thu hồi đất của ông V không phải nhằm mục đích an ninh quốc phòng, phát triển kinh tế tại địa phương, mà giao cho doanh nghiệp; việc áp giá bồi thường là quá thấp, không đúng theo giá thị trường, đúng ra doanh nghiệp phải thương lượng với người sử dụng đất; việc kê biên, kiểm đếm tài sản, hoa màu không có mặt ông V;

- Việc Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Tháp ký hợp đồng với Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện M là giả, là trái pháp luật, nhằm hợp thức hoá cái sai của UBND huyện M và UBND tỉnh Đồng Tháp;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q.067025, số quản lý 001820 ngày 28/11/2000 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T.128622, số quản lý 01953 ngày 15/10/2001 có tổng diện tích 21.887m², bao gồm các thửa 1230, 1231, 1232, 1233, 1235, 1236, 1237, 1250, 1251, 1234 và 1634, tờ bản đồ số 3, nhưng Quyết định thu hồi đất số 2200/QĐ-UBND ngày 11/6/2008, thu hồi 23.764,5m² tại các thửa 298, 346, tờ bản đồ thứ 13 và thực tế bồi thường cho ông với tổng diện tích 25.022m² là không đúng số thửa và diện tích;

Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V, hủy các Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 11/6/2008, số 1496/QĐ-UBND ngày 16/6/2016, số 1522/QĐ-UBND ngày 28/6/2016, số 1909/QĐ-UBND và số 1910/QĐ-UBND cùng ngày 08/8/2016 của UBND huyện M.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện, Luật sư và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện phát biểu ý kiến như sau:

Mục đích thu hồi đất là xây dựng Cụm công nghiệp Cần Lố giai đoạn 2, đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt kế hoạch sử dụng đất tại Quyết định số 47/QĐ-TTg ngày 22/8/2007. Do đó việc thu hồi đất này là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 40 Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Toàn bộ tiền chi trả cho các hộ có đất bị thu hồi là từ ngân sách Nhà nước.

Số thửa được ghi trong Quyết định thu hồi đất số 2200/QĐ-UBND ngày 11/6/2008 khác với số thửa theo 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông V được cấp là do số thửa ghi trong giấy chứng nhận được sử dụng tài liệu 299/TTg, ông V chưa thực hiện việc cấp đổi giấy chứng nhận mới; còn số thửa ghi trong quyết định thu hồi là theo Bản trích đo bản đồ chính quy mới. Mặt khác, ông V thừa nhận, hộ gia đình ông chỉ có đất tại vị trí đã bị thu hồi, do đó ý kiến của ông V về sự khác biệt số thửa là không có căn cứ.

Tổng diện tích đất của ông V ghi trên 02 giấy chứng nhận là 21.887m² qua đo đạc thực tế thì diện tích tăng lên 25.022m² và UBND huyện đã bồi thường cho ông V theo diện tích thực tế là có lợi cho ông V.

Hợp đồng giữa Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Tháp ký hợp đồng với Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện M là hợp đồng dân sự, có căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu của hai bên, không trái pháp luật, không nhằm hợp thức hoá bất kỳ vấn đề nào.

Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác kháng cáo của ông V và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trong phần đối đáp, ông V yêu cầu UBND huyện M bồi thường thêm cho ông 10 tỷ đồng thì ông sẽ rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo. Người đại diện hợp pháp của UBND huyện M cho rằng, nếu ông V có thiện chí rút đơn khởi kiện, đơn kháng cáo thì UBND huyện sẽ hỗ trợ thêm cho ông V 1,5 tỷ đồng. Ông V không đồng ý nên cả hai bên đều bảo lưu ý kiến, yêu cầu đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử và của các đương sự: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các thành viên Hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đã tuân thủ các quy định của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015.

Về nội dung kháng cáo:

Xét các Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 11/6/2008, số 1496/QĐ-UBND ngày 16/6/2016, số 1522/QĐ-UBND ngày 28/6/2016, số 1909/QĐ-UBND và số 1910/QĐ-UBND cùng ngày 08/8/2016 của UBND huyện M, nhận thấy:

- Về thẩm quyền ban hành: Các quyết định nêu trên được ban hành đúng trình tự, thẩm quyền quy định.

- Về nội dung:

Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 11/6/2008 thu hồi đất của ông V là xây dựng Cụm công nghiệp Cần Lố giai đoạn 2, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 47/2007/QĐ-TTg ngày 22/8/2007, là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 40 Luật Đất đai năm 2003.

Trong quá trình tiến hành đo đạc, kiểm đếm tài sản, hoa màu...ông V đều có mặt.

UBND huyện căn cứ vào bảng giá được ban hành kèm theo Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm, ông V không cung cấp được chứng cứ nào mới, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh V làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thanh V, về việc yêu cầu hủy các Quyết định số 1496/QĐ-UBND ngày 16/6/2016, số 1522/QĐ-UBND ngày 28/6/2016, số 1909/QĐ-UBND và số 1910/QĐ-UBND cùng ngày 08/8/2016 của UBND huyện M, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về trình tự, thẩm quyền ban hành:

Sau khi ban hành các quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường hỗ trợ, tái định cư đối với hộ ông V để thực hiện dự án Cụm công nghiệp Cần Lố giai đoạn 2, hộ ông V mặc dù đã nhận gần đủ tiền bồi thường nhưng không giao nộp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q.067025, số quản lý 001820 ngày 28/11/2000 và số T.128622, số quản lý 01953 ngày 15/10/2001, nên UBND huyện M đã ban hành các Quyết định số 1496/QĐ-UBND ngày 16/6/2016, số 1522/QĐ-UBND ngày 28/6/2016, số 1909/QĐ-UBND và số 1910/QĐ-UBND cùng ngày 08/8/2016, về việc thu hồi và hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là đúng thẩm quyền được quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, khoản 2 Điều 105, khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai 2013, khoản 1, khoản 7 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, về quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Về nội dung:

Tại Quyết định số 403/QĐ-UBND.HC, ngày 26/3/2007 của UBND tỉnh Đồng Tháp, về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp

Cần Lố giai đoạn 2, với diện tích thu hồi là 12,1574 ha đất, có 98 hộ dân bị ảnh hưởng, trong đó có hộ ông V.

Ngày 19/10/2007, UBND huyện M ban hành Quyết định số 606/QĐ-UBND.HC, về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Cần Lố giai đoạn 2.

Ngày 25/10/2007, đại diện các ban, ngành của huyện M và UBND xã A1, tổ chức họp dân công bố Quyết định 606/QĐ-UBND.HC. Ngày 20/11/2007 Ban bồi thường giải phóng mặt bằng đã lập biên bản khảo sát kiểm kê tài sản của hộ ông V, ngày 27/11/2007 tiếp tục lập biên bản kiểm tra thực tế thửa đất của ông V (hai biên bản này ông V không ký tên).

Ngày 24/01/2008, UBND huyện M lập Phương án tổng thể số 10/PATT-XDCB, đồng thời gửi Văn bản số 24/UBND-XDCB cho Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp, xem xét thẩm định. Ngày 25/2/2008, UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 195/QĐ-UBND-HC, phê duyệt phương án bồi thường tổng thể dự án Cụm công nghiệp Cần Lố giai đoạn 2. Ngày 05/3/2008, UBND xã A1 công bố và niêm yết phương án tổng thể. Như vậy, UBND huyện M đã thực hiện đúng trình tự theo quy định tại các Điều 49, 50, 51 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai.

Ngày 06/03/2008, Tổ chức vận động bồi thường huyện M và xã A1 đã lập biên bản vận động bồi thường lần thứ nhất đối với ông V, với số tiền là 3.094.455.092 đồng, kèm theo Bảng tổng hợp giá trị bồi thường hỗ trợ cho ông V ngày 15/2/2008, nhưng ông V không đồng ý vì cho rằng cách tính bồi thường chưa đúng trên cơ sở pháp lý (chưa tính hỗ trợ sản xuất kinh doanh), đề nghị xem lại dự án ngân sách nhà đầu tư hay của huyện, xem lại giá đất cặp QL30 còn rẻ, chưa tính bồi thường về đào ao nuôi cá, khối lượng san lấp mặt bằng, bồi thường lò gạch còn thấp, nên mua thêm còn ít chưa đúng. Sau đó đến ngày 17/05/2008, Tổ chức vận động bồi thường tiếp tục lập biên bản vận động lần 2 đối với ông V, kèm theo Bản tổng hợp giá trị bồi thường ngày 08/5/2008 là 3.475.134.011 đồng, ông V có ý kiến: việc xác định khối lượng san lấp đất, tính thêm công đào ao, xem lại khối lượng 4 lò gạch, chưa thống nhất về giá bồi thường, đề nghị hỗ trợ tìm đất di dời lò gạch.

Ngày 20/5/2008, UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 243/QĐ-UBND.NĐ thu hồi đất của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân, trong đó có hộ ông V, giao cho Trung tâm Phát triển quỹ nhà đất tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Ngày 11/6/2008, UBND huyện M ban hành Quyết định số 2200/QĐ-UBND, thu hồi diện tích 5.681,5m² tại thửa số 346; diện tích 18.083m² tại thửa 298 loại đất ONT+LNQ thuộc tờ bản đồ số 13, ông V nhận quyết định ngày 24/6/2008; đồng thời Tổ chức vận động bồi thường lập biên bản vận động lần 3 với số tiền là 4.401.361.805 đồng (Bảng tổng hợp giá trị bồi thường ngày

13/6/2008). Ông V ý kiến chưa thống nhất về khối lượng đất, cát san lấp, giá bồi thường về đất, bổ sung nhà tắm, hố ga, cống thoát nước, bồi thường do ngừng việc người lao động, hỗ trợ 30% thu nhập thuế đối với cơ sở có đăng ký kinh doanh. UBND huyện M đã niêm yết công khai Quyết định thu hồi đất lúc 8h ngày 01/7/2008. Tuy rằng các biên bản khảo sát kiểm kê tài sản, biên bản kiểm tra thực tế thửa đất ngày 20/11/2007 và 27/11/2007 ông V không có mặt nhưng sau đó qua 3 lần được Tổ chức bồi thường vận động (vào các ngày 06/3/2008, 17/5/2008, 24/6/2008) thì ông V cũng đã biết việc thu hồi đất và tài sản trên đất của ông thông qua 3 bản tổng hợp giá trị bồi thường vào các ngày 15/2/2008, 08/5/2008, 13/6/2008 nên ông đã có các ý kiến trong các biên bản vận động. Như vậy, UBND huyện M đã thực hiện đúng quy định theo các Điều 52, 53, 55 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ.

Ngày 01/7/2008, dự thảo phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư về đất, tài sản để thực hiện dự án Cụm công nghiệp Cần Lố giai đoạn 2 được niêm yết công khai tại UBND xã A1.

Ngày 13/08/2008, UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 827/QĐ-UBND-HC, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Ngày 19/8/2008, Hội đồng bồi thường ban hành Quyết định số 3413/QĐ-HĐBT, về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án cho hộ ông V, với số tiền 4.402.226.205 đồng. Bà Trần Thị Bé Hai (là chị ông V) nhận thay vào ngày 15/9/2008, và quyết định được nêu trên đã được niêm yết ngày 20/8/2008 tại UBND xã A1. Như vậy, UBND huyện M đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 56, 57 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ.

Ngày 04/3/2009 Hội đồng đền bù huyện M ban hành Quyết định số 330/QĐ-HĐBT, bồi thường về tài sản là: đà kiềng BTCT, móng, hố ga, nhà tắm cho hộ ông V số tiền là 20.778.904 đồng (bà Bé Hai nhận quyết định). Ngày 12/10/2009, ông V gửi đơn đến Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Tháp, ngày 02/11/2009 Ban bồi thường có Công văn số 67/BBT về việc báo cáo giải quyết đơn khiếu nại của ông V và 8 hộ tại dự án Cụm công nghiệp Cần Lố, ngày 14/12/2009 UBND huyện M đã thụ lý đơn khiếu nại và Thanh tra huyện đã có buổi làm việc với ông V. Ngày 03/2/2010, Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 13/QĐ-UBND, chấp nhận hỗ trợ ổn định sản xuất do Nhà nước thu hồi đất là 3.597.824 đồng (anh Tuấn được ủy quyền nhận quyết định). Ngày 15/03/2010 ông V khiếu nại Quyết định số 13/QĐ-UBND.

Ngày 05/05/2010, UBND huyện M ban hành Quyết định số 667/QĐ-UBND và Quyết định số 668/QĐ-UBND, về việc giao hai nền nhà trong cụm dân cư M1, thị trấn M2 cho hộ ông V để xây dựng nhà ở.

Ngày 17/12/2010, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 324/QĐ-UBND-NĐ chuẩn y Quyết định số 13/QĐ-UBND. Sau đó ông V khiếu nại diện tích đất chưa chính xác nên ngày 15/2/2012 UBND huyện M tiến hành đo đạc lại. Tại Công văn 369/UBND-HC ngày 23/8/2012 xác định diện

tích đất của ông V trên thực tế là 25.023,2m² (do ông V chỉ ranh), theo Công văn này thì UBND cho rằng phần đất đo không tranh chấp là 23.950m² trừ đi 23.764,5m² (diện tích đã được thu hồi theo Quyết định 2200) còn là 185,5m² nên đã ban hành Quyết định số 2177/QĐ-HĐBT ngày 05/9/2012 chi trả bồi thường hỗ trợ về đất và tài sản là 86.115.197 đồng. Ngày 06/12/2012 Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp đã ban hành Quyết định số 490/QĐ-UBND-NĐ, về việc điều chỉnh Quyết định số 324, bồi thường bổ sung giá trị sang lấp, đào ao là 113.318.123 đồng, bồi thường thêm 185,5m² loại CLN (ông V nhận Quyết định ngày 29/01/2013). Ngày 28/01/2013 UBND huyện M ban hành Quyết định số 643/QĐ-UBND chi trả bồi thường 185,5m² đất và hỗ trợ lần 3 cho ông V là 25.320.750 đồng.

Ngày 28/6/2013, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 100/QĐ-UBND-NĐ, điều chỉnh một phần Quyết định 490/QĐ-UBND, bồi thường thêm diện tích 185,5m² thành bồi thường thêm diện tích 1.258m² (ông V nhận quyết định ngày 12/7/2013).

Ngày 02/7/2013, UBND huyện M ban hành Quyết định số 1971/QĐ-UBND, chi trả bồi thường về đất và hỗ trợ về đất cho ông V là 257.400.000 đồng (bồi thường đất cây lâu năm 1.072m² 60.000 đồng/m², hỗ trợ 3 lần đất CLN giá 180.000 đồng/m²). Ông V nhận quyết định ngày 12/7/2013.

Ngày 16/10/2013, UBND huyện M ban hành Quyết định số 3485/QĐ-UBND, hủy quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của UBND huyện M, lý do: thực hiện theo Quyết định số 100/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 18/10/2013, UBND huyện M ban hành Quyết định số 3493/QĐ-UBND, hủy Quyết định số 1971, lý do Quyết định phê duyệt phương án bồi thường bổ sung lần 4 ngày 27/6/2013 có trước Quyết định giải quyết khiếu nại số 100/UBND-NĐ của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp.

Cùng ngày 28/11/2013, UBND huyện Cao Lãnh ban hành 06 Quyết định số 4012, 4013, 4014, 4015, 4016, 4017/QĐ-UBND về việc thu hồi quyền sử dụng đất của hộ ông V, tổng diện tích là 1.258m². Ngày 06/12/2013, UBND huyện Cao Lãnh ban hành Quyết định số 4089/QĐ-UBND, về việc bồi thường về đất và hỗ trợ về đất cho ông V là 301.920.000 đồng, diện tích 1.258m² giá 60.000 đồng/m², hỗ trợ 3 lần đất CLN giá 180.000 đồng/m².

[2.3] Về ý kiến của ông V và Luật sư cho rằng quyết định thu hồi đất không đúng số thửa, không đúng diện tích, xét thấy:

Hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V được cấp tổng cộng 21.887m², bao gồm các thửa 1230, 1231, 1232, 1233, 1235, 1236, 1237, 1250, 1251, 1234 và 1634, tờ bản đồ số 3. Đây là số thửa theo tài liệu 299/TTg và hộ ông V chưa yêu cầu cấp đổi mới. Theo bản đồ địa chính chính quy năm 2003 thì các thửa đất này nay thuộc các thửa 298, 346, tờ bản đồ thứ 13. Đồng thời, ông V cũng xác định ngoài diện tích đất bị thu hồi này, hộ của ông không bị thu hồi

diện tích đất khác. Mặt khác, đất của ông V theo giấy chứng nhận chỉ có 21.887m² nhưng UBND huyện M đã áp giá bồi thường theo diện tích thực tế 25.022m² là có lợi cho ông V. Do đó, ý kiến này là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.4] Về ý kiến của ông V và Luật sư cho rằng nguồn tiền chi trả bồi thường có nguồn gốc từ các doanh nghiệp là không có căn cứ, vì ngoài lời trình bày ra, ông V không xuất trình được tài liệu để chứng minh, trong khi các quyết định của UBND tỉnh Đồng Tháp đều xác định nguồn vốn thuộc ngân sách Nhà nước.

Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy UBND huyện M, UBND tỉnh Đồng Tháp đã thực hiện đúng các quy định của Luật Đất đai năm 2003, Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành, trong việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư, thu hồi quyền sử dụng đất, thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông V. Do đó, bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm, ông V không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới, do đó, kháng cáo của ông V, đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông V là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà, là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông V phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh V. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2017/HC-ST ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào các Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 116, khoản 1 Điều 158, Điều 193, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào Luật Đất đai năm 2013, khoản 1, khoản 7 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/5/2014, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ;

Căn cứ vào Điều 34 Pháp lệnh số 10 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

[1] Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh V, về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1496/QĐ-UBND ngày 16/6/2016, Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 28/6/2016, Quyết định số 1909/QĐ-UBND ngày 08/8/2016 và Quyết định số 1910/QĐ-UBND ngày 08/8/2016 của Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh V phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 17360 ngày 20/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Ông V đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Đình Thanh

Đặng Văn Ý

Võ Văn Khoa